

Bản án số: **09/2017/HC-ST**

Ngày: 25/7/2017.

V/v khiếu kiện: “Quyết định thu hồi  
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thanh Thuý

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Cao Thị Nguyên

2. Bà Dương Thị Hồng Thùy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 24/2016/TLST-HC ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc khiếu kiện “Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2017/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1957

Địa chỉ cư trú: ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:** Luật sư Nguyễn Hoàng V – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

**\* Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Dương Minh T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Dương Văn C - Phó Chủ tịch UBND huyện B.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1936.

Địa chỉ cư trú: ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Huỳnh Nhựt T-Trợ giúp viên pháp lý – thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre.

(Tất cả các đương sự có mặt tại toà)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, bà Trần Thị L-người khởi kiện trình bày:*

Phần đất tranh chấp thuộc thửa 273, tờ bản đồ số 2, xã A có nguồn gốc của ông Trần Văn C (ông ngoại của bà Nguyễn Thị D). Năm 1951, ông C có cho ông nội bà là ông Trần Văn T một phần đất gò, hoang du. Sau khi được cho phần đất này ông nội bà đã mượn người cải tạo đất, cất nhà ở và chăn nuôi trâu trên phần đất này. Đồng thời, ông nội bà cũng chịu trách nhiệm canh giữ các phần đất còn lại của ông Trần Văn C.

Đến năm 1972, ông nội bà về phần đất khác để cất nhà ở, phần đất được ông C cho trước đó ông nội bà để lại cho cha bà là ông Trần Văn N và các anh chị em bà tiếp tục ở.

Năm 1976, bà đi bộ đội. Đến năm 1983, bà phục viên về tiếp tục sinh sống trên phần đất này. Đến khi bà có chồng thì cha bà cho vợ chồng bà căn nhà này để ở làm ăn sinh sống. Hằng năm bà có đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ.

Năm 1996, khi Nhà nước đo đạc đất đai để lập bản đồ địa chính, bà đi đăng ký kê khai phần đất diện tích 1139m<sup>2</sup>, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, tọa lạc xã A, huyện B. Đến năm 1997, UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đại diện hộ gia đình đứng tên.

Đến năm 2000, bà dỡ nhà cũ để xây lại nhà mới thì phía bà Nguyễn Thị D ngăn cản không cho bà cất nhà, do không có nhà ở nên bà cất nhà trên phần đất khác của em bà. Phần đất này vẫn còn chuồng heo và bà vẫn quản lý sử dụng.

Phần đất thuộc thửa 173, tờ bản đồ số 02 gia đình bà quản lý và sử dụng từ năm 1951 cho đến nay đã qua 3 đời. UBND huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà từ năm 1997 và bà là người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước.

Năm 1996-1997, bà kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì được cấp sổ lúc đó không ai tranh chấp với bà. Việc UBND huyện B căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Bé B (con bà D) để thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà với lý do: phần đất có tranh chấp là sai sự thật.

Do đó, nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Bến Tre hủy Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của Ủy Ban Nhân dân huyện B về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 của hộ bà Trần Thị L, thường trú ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

*Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên tòa, ông Dương Văn C - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:*

Diện tích 1.139 m<sup>2</sup> đất T+LN, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A có nguồn gốc của ông Trần Văn C (ông ngoại của bà Nguyễn Thị D) cho ông Trần Văn T (ông nội của bà Trần Thị L) cất nhà ở vào năm 1951 (khi cho chỉ nói miệng, không có giấy tờ). Năm 1970, ông T mua được phần đất tại ngã tư thuộc ấp 5 xã A

và cất nhà ở tại đây. Ngôi nhà và đất thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A, ông Trần Văn T để lại cho con là ông Trần Văn N (cha bà Trần Thị L) ở và quản lý sử dụng. Sau năm 1975, bà Trần Thị C (mẹ của bà Nguyễn Thị D) có làm đơn tranh chấp phần đất này với ông Trần Văn N, sự việc đã được Ban hòa giải ấp 5, xã A hòa giải nhiều lần nhưng hai bên không thống nhất.

Năm 1983, ông Trần Văn N về ở chung nhà với ông Trần Văn T tại ngã tư thuộc ấp 5, xã A. Phần nhà và đất thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A, ông N để lại cho con là bà Trần Thị L tiếp tục ở. Năm 1996, Nhà nước đo đạc đất đai thành lập bản đồ địa chính, bà Trần Thị L kê khai đăng ký tên chủ sử dụng thửa đất này vào sổ mục kê đất xã A. Cùng năm 1996, bà Trần Thị C (con ông Trần Văn C, mẹ của bà Nguyễn Thị D) đến UBND xã A để đăng ký tên chủ sử dụng thửa đất này nhưng Ủy ban nhân dân xã A không đồng ý vì UBND xã A cho rằng đất này gia đình bà C cho gia đình bà L ở lâu rồi nên bà C không được quyền đăng ký. Ngày 27 tháng 8 năm 1996, bà Trần Thị C làm đơn tranh chấp thửa đất này với bà Trần Thị L gửi đến Phòng Địa chính huyện B (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường). Ngày 30 tháng 8 năm 1996, Trưởng phòng Địa chính chứng chuyển đơn của bà C đến Ủy ban nhân dân xã A với nội dung: Các trường hợp một mảnh đất hai người cùng đăng ký quyền sử dụng nay có chủ trương của Ban Thường vụ Huyện ủy chưa giải quyết mà đợi chủ trương của Tỉnh, đề nghị UBND xã hướng dẫn các trường hợp khác không đi đơn nữa. Tuy nhiên năm 1997, hộ bà Trần Thị L được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A. Năm 2000, bà L dỡ nhà và chõr đất đi nơi khác nhưng gia đình bà D ngăn cản và phát sinh tranh chấp lúc này gia đình bà D mới biết phần đất này bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vụ việc tranh chấp giữa gia đình bà D với bà L được Ủy ban nhân dân xã A hòa giải nhưng không thành, hồ sơ chuyển đến Tòa án nhân dân huyện Ba Tri thụ lý. Ngày 18 tháng 8 năm 2004, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T (em ruột bà D và được gia đình bà D ủy quyền khởi kiện) và bị đơn là bà Trần Thị L. Lý do đình chỉ: bà Nguyễn Thị T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị L vào ngày 16 tháng 8 năm 2004.

Ngày 09 tháng 11 năm 2015, bà Nguyễn Thị D làm đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L không đúng quy định pháp luật gửi đến Ủy ban nhân dân xã A. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã A hòa giải không thành, hồ sơ được chuyển về huyện.

Ngày 17 tháng 3 năm 2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B mời bà Nguyễn Thị D và bà Trần Thị L đến đối thoại. Tại buổi làm việc, bà Nguyễn Thị D yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị L nhưng bà L không đồng ý.

Ngày 14 tháng 4 năm 2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 275/TTr-PTNMT, nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân huyện có văn bản chỉ đạo Thanh tra huyện thẩm tra và kết luận cụ thể trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 1.139 m<sup>2</sup> đất T+LN, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A.

Ngày 19 tháng 4 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 650/QĐ-UBND về việc giao Thanh tra huyện tiến hành thẩm tra, xác minh kết luận vụ việc. Ngày 31 tháng 5 năm 2016, Thanh tra huyện có Kết luận số 41/KL-TT về việc thẩm tra quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị L, thường trú ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nội dung: Ngày 27 tháng 8 năm 1996, bà Trần Thị C (mẹ của bà Nguyễn Thị D) có đơn tranh chấp thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A với bà Trần Thị L gửi đến Phòng Địa chính và được Trưởng Phòng Địa chính chứng chuyển đơn về UBND xã A để đợi chủ trương giải quyết của cấp trên. Tuy nhiên vụ việc chưa được giải quyết dứt điểm nhưng đến ngày 18 tháng 11 năm 1997 hộ bà Trần Thị L được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 trong đó có thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A là không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 8 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện B có Công văn số 2437/UBND-NC về việc thông báo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị L, thường trú ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Đề nghị bà Trần Thị L trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày ban hành công văn này) phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A cho UBND xã A chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục thu hồi nhưng hết thời hạn quy định bà Trần Thị L không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan chuyên môn.

Đến ngày 11 tháng 10 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18 tháng 11 năm 1997 cho hộ bà Trần Thị L.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện B nhận thấy Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện B ban hành là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

*Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại, cũng như tại phiên toà, bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Đất có tranh chấp mà cấp cho bà L là không đúng quy định nên ngày 11 tháng 10 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18 tháng 11 năm 1997 cho hộ bà Trần Thị L là đúng quy định pháp luật. Bà thông nhất với quyết định của Ủy ban nhân dân huyện B. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

*Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện – Luật sư Nguyễn Hoàng V trình bày:* Ông cho rằng bà C tranh chấp phần đất với bà L là phần đất bà C cho mượn năm 1976 chứ không phải phần đất ông C cho ông T mượn năm 1951. Như vậy, bà C tranh chấp phần đất của bà L là sai đối tượng. Xét đơn ngày 27/8/1996 của bà C không rõ ràng, sai đối tượng. Về hình thức và nội dung đều không đúng theo quy định pháp luật. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

*Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi,*

*nghĩa vụ liên quan-ông Lê Huỳnh Nhứt T trình bày:* Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016 là đúng theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Phía người bị kiện – UBND huyện B không cung cấp được các chứng cứ vững chắc chứng minh có việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị D và bà Trần Thị L vào năm 1996. Vì vậy, xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, hủy Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016 của UBND huyện B.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

#### ***[1] Về tố tụng:***

Ngày 11/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18/11/1997 cho hộ bà Trần Thị L. Ngày 20/12/2016, bà Trần Thị L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre yêu cầu hủy Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11/10/ 2016 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thời hiệu khởi kiện của bà L vẫn còn đối với quyết định hành chính nêu trên. Căn cứ các điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

#### ***[2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:***

Trên cơ sở đơn khiếu nại ngày 09/11/2015 của bà Nguyễn Thị D gửi đến Ủy ban nhân dân xã A khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Vụ việc được Ủy ban nhân dân xã A hòa giải nhưng không thành, hồ sơ được chuyển về Ủy ban nhân dân huyện B.

Ngày 17/3/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường mời bà Nguyễn Thị D và bà Trần Thị L đến đối thoại. Tại buổi làm việc, bà Nguyễn Thị D yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị L nhưng bà L không đồng ý.

Ngày 14/ 4/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 275/TTr-PTNMT, nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân huyện có văn bản chỉ đạo Thanh tra huyện thẩm tra và kết luận cụ thể trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 1.139 m<sup>2</sup> đất T+LN, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A.

Ngày 19/4/2016, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 650/QĐ-UBND về việc giao Thanh tra huyện tiến hành thẩm tra, xác minh kết luận vụ việc. Ngày 31/5/2016, Thanh tra huyện có Kết luận số 41/KL-TT về việc thẩm tra quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị L, thường trú ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh B.

Ngày 24/8/2016, Ủy ban nhân dân huyện B có Công văn số 2437/UBND-NC về việc thông báo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị L, thường trú ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh B. Đề nghị bà Trần Thị L trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày ban hành công văn này) phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A cho UBND xã A chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục thu hồi nhưng hết thời hạn quy định bà Trần Thị L không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan chuyên môn.

Đến ngày 11/10/2016, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18 tháng 11 năm 1997 cho hộ bà Trần Thị L.

Căn cứ Khoản 2 và Khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, xét thấy Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B được ban hành đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền.

### ***[3] Về nội dung quyết định hành chính bị khiếu kiện:***

Ngày 18/11/1997, Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 đối với phần đất diện tích 1.139 m<sup>2</sup> loại đất T+LN, thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre cho hộ bà Trần Thị L, thường trú ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh B. Nguồn gốc phần đất trên là của ông Trần Văn C (ông ngoại của bà Nguyễn Thị D). Năm 1951, ông C cho ông Trần Văn T (ông nội của bà Trần Thị L) cất nhà ở nhưng chỉ nói miệng không có giấy tờ.

Năm 1970, khi ông T mua được phần đất tại ngã tư thuộc ấp 5 xã A và cất nhà ở tại đây thì ngôi nhà và đất thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A, ông Trần Văn T để lại cho con là ông Trần Văn N (cha bà Trần Thị L) ở và quản lý sử dụng.

Năm 1983, ông N về ở chung nhà với ông T tại ngã tư thuộc ấp 5, xã A. Phần nhà và đất thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A, ông N để lại cho con là bà Trần Thị L tiếp tục ở. Năm 1996, Nhà nước đo đạc đất đai thành lập bản đồ

địa chính, bà Trần Thị L kê khai đăng ký tên chủ sử dụng thửa đất này vào sổ mục kê đất xã A đến năm 1997 thì bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc tranh chấp giữa gia đình bà Nguyễn Thị D và gia đình bà Trần Thị L đối với phần đất trên phát sinh từ sau năm 1975. Sự việc đã được Ban hòa giải ấp 5, xã A hòa giải nhiều lần nhưng hai bên không thống nhất. Bà Trần Thị L cũng thừa nhận từ sau năm 1975 mẹ bà C và cha bà có xảy ra tranh chấp phần đất trên, nhưng theo bà L trình bày tại biên bản làm việc ngày 17/3/2016 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (BL45-46) và biên bản làm việc ngày 10/5/2016 tại Thanh tra huyện B (BL 48-50) thì gia đình bà với gia đình bà D có tranh chấp nhưng đã được hòa giải xong không còn tranh chấp nữa.

Tuy nhiên, ngày 27/8/1996, bà Trần Thị C làm đơn tranh chấp thửa đất này với bà Trần Thị L gửi đến Phòng Địa chính huyện B (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường). Đến ngày 30/8/1996, Trưởng phòng Địa chính huyện B chuyển đơn của bà C đến Ủy ban nhân dân xã A, phía sau đơn tranh chấp của bà Trần Thị C, Trưởng Phòng địa chính huyện B có ghi nội dung: “Chuyên UBND xã A. Các trường hợp một mảnh đất hai người cùng đăng ký quyền sử dụng nay có chủ trương của Ban Thường vụ Huyện ủy chưa giải quyết mà đợi chủ trương của Tỉnh, đề nghị UBND xã hướng dẫn các trường hợp khác không đi đơn nữa” (BL24).

Năm 2000, khi bà L dỡ nhà và chõr đất đi nơi khác thì gia đình bà D ngăn cản và tiếp tục phát sinh tranh chấp. Lúc này gia đình bà D mới biết phần đất này bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997. Vụ việc tranh chấp giữa gia đình bà D với bà L được Ủy ban nhân dân xã A hòa giải nhưng không thành, hồ sơ chuyển đến Tòa án nhân dân huyện Ba Tri thụ lý. Ngày 18 tháng 8 năm 2004, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T (em ruột bà D và được gia đình bà D ủy quyền khởi kiện) và bị đơn là bà Trần Thị L. Lý do đình chỉ: bà Nguyễn Thị T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Trần Thị L vào ngày 16/8/2004.

Ngày 09/11/2015, bà Nguyễn Thị D làm đơn khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L không đúng quy định pháp luật gửi đến Ủy ban nhân dân xã A. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân xã A hòa giải không thành, hồ sơ được chuyển về huyện.

Từ các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa gia đình bà Nguyễn Thị D với gia đình bà Trần Thị L đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 2, xã A phát sinh từ trước năm 1996 nhưng chưa được giải quyết dứt điểm, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị L vào năm 1997 trong khi đất có tranh chấp là không đúng quy định của Luật đất đai nên Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Ngày 24/8/2016, Ủy ban nhân dân huyện B có Công văn số 2437/UBND-NC về việc thông báo thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trần Thị L. Đề nghị bà Trần Thị L trong thời hạn 30 ngày (kể từ ngày ban hành công văn này) phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số thửa đất

số 173, từ bản đồ số 2, xã A cho UBND xã A chuyển Phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục thu hồi nhưng hết thời hạn quy định bà Trần Thị L không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan chuyên môn nên UBND huyện B ban hành Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị L.

Từ các cơ sở trên, xét thấy Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18 tháng 11 năm 1997 cho hộ bà Trần Thị L được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 30, 32, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điểm d Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 Luật đất đai; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 34 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550719-000381 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 18/11/1997 cho hộ bà Trần Thị L.

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào khoản tiền nộp tạm ứng án phí mà bà Trần Thị L đã nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002564 ngày 30/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV và THA (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b), Văn phòng (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Hồ Thị Thanh Thúy**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Thị Hồng Thuỳ   Cao Thị Nguyên**

**Hồ Thị Thanh Thúy**



**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Thị Hồng Thuỳ   Cao Thị Nguyên**

**Hồ Thị Thanh Thúy**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV và THA (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b), Văn phòng (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Thanh Thúy**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Thanh Thúy**